

Bản án số: 19/2026/HS-ST

Ngày: 04/02/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HƯNG YÊN

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hoàn – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hà Vĩnh C1 – Kiểm sát viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Y – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 101/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2026/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đào Văn T**, sinh ngày 08/10/1986; nơi cư trú: Tổ dân phố Cập Nhất 1, phường Nam Đồng, thành phố Hải Phòng; căn cước công dân số 034086003181; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; bố: Đào Mạnh D (đã chết), mẹ: Hoàng Thị B, vợ: Bùi Thị Thu T1, có 2 con; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Từ năm 2007 đến năm 2009 tham gia nghĩa vụ quân sự. Bị bắt tạm giam từ ngày 10/6/2025 đến ngày 04/9/2025 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh. *Triệu tập có mặt tại phiên tòa.*

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị M**, sinh ngày 27/10/1994; nơi ở hiện tại: Khu 7, phường Móng Cái 3, tỉnh Quảng Ninh; căn cước công dân số 015194001161; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; bố: Nguyễn Viết K, mẹ: Nguyễn Thị C, chồng: Nguyễn Văn L; có 2 con; tiền án; tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *Triệu tập có mặt tại phiên tòa.*

* Bị hại:

+ Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn Bắc Lạng, xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên (*Có đơn đề nghị vắng mặt*).

+ Anh Nguyễn Hữu M1, sinh năm 1997; địa chỉ: số nhà 80, tổ 16, ngõ Đoàn Túc, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên (*Có đơn đề nghị vắng mặt*).

+ Ông Ngô Bá H, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn Vạn Tuế, xã Hà Bắc, thành phố Hải Phòng (*Có đơn đề nghị vắng mặt*).

+ Ông Hoàng Quốc K1, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn Cật Thượng 2, phường Nam Đồng, thành phố Hải Phòng (vắng mặt).

* Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1986, địa chỉ: Khu 6, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh - Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ thương mại Bảo Bảo (vắng mặt).

+ Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn Hoàng Trạch, xã Mễ Sở, tỉnh Hưng Yên – Chủ tịch, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH một thành viên Thăng Huệ Food (vắng mặt).

+ Ông Dương Thế V, sinh năm 1980; địa chỉ: thôn Phú Thị, xã Mễ Sở, tỉnh Hưng Yên, là Chủ hộ kinh doanh cơ sở sản xuất Văn Nhung (vắng mặt).

+ Chị Bùi Thị Thu T1, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố Cật Nhất 1, phường Nam Đồng, thành phố Hải Phòng (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố Cật Nhất 1, phường Nam Đồng, thành phố Hải Phòng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 07 giờ 30 phút ngày 27/5/2025, Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh phối hợp với Đội quản lý thị trường số 1, Chi Cục Quản lý thị trường tỉnh Thái Bình tiến hành kiểm tra tại kho tập kết hàng hoá của Nguyễn Trọng N, địa chỉ: thôn Bắc Lạng, xã Nguyên Xá, Đông Hưng, Thái Bình (nay là thôn Bắc Lạng, xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên) phát hiện và thu giữ: 120 gói khô bò sợi, 280 gói heo cháy tỏi, 180 gói khô gà cay và 70 gói khô bò miếng mang nhãn hiệu “Bảo Bảo”, bao bì sản phẩm ghi tên Công ty TNHH thương mại dịch vụ Bảo Bảo, địa chỉ: Khu 6 – phường Đại Phúc – thành phố Bắc Ninh, có mã số hàng hóa số 8938548815027 (sản phẩm khô bò sợi), 8938548815010 (sản phẩm khô gà cay), 8938548815034 (sản phẩm heo cháy tỏi), 8938548815041 (sản phẩm khô bò miếng).

Cùng ngày 27/5/2025, Đội Quản lý thị trường số 2, Chi Cục Quản lý thị trường tỉnh Thái Bình tiến hành kiểm tra tại cửa hàng kinh doanh thực phẩm Mạnh Anh, địa chỉ: Kì ốt 20, Chợ Bo, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nay là Kì ốt 20, Chợ Bo, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên) phát hiện và thu giữ: 12 gói khô bò sợi, 33 gói heo cháy tỏi mang nhãn hiệu “Bảo Bảo”, bao bì sản phẩm ghi tên Công ty TNHH thương mại dịch vụ Bảo Bảo, địa chỉ: Khu 6 – phường Đại Phúc – thành phố Bắc Ninh, có mã số hàng hóa số 8938548815027 (sản phẩm khô bò sợi), 8938548815034 (sản phẩm heo cháy tỏi).

Cơ quan Cảnh sát điều tra khám xét khẩn cấp chỗ ở của T thu giữ: 02 cân điện tử, 01 máy hàn miệng túi nằm ngang, 02 sọt nhựa, 01 khay kim loại để sản xuất sản phẩm khô gà, khô bò, heo cháy tỏi; 04 quyển sổ dùng để ghi chép việc mua nguyên phụ liệu sản xuất; 01 xe ô tô 34D – 020.54. T tự nguyện giao nộp 47.500 vỏ bao bì, 6 thùng nguyên liệu, 536 gói thành phẩm (gồm 257 gói khô gà cay, 268 gói khô bò sợi, 11 gói heo cháy tỏi) đang cất giấu. Công ty trách nhiệm hữu hạn kinh doanh dịch vụ thương mại Bảo Bảo (viết tắt là Công ty Bảo Bảo) được

Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên lần đầu vào ngày 12/9/2022, có địa chỉ trụ sở chính tại: Khu 6, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; được Ban quản lý an toàn thực phẩm tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số 254/2022 ngày 15/12/2022 (có hiệu lực đến ngày 14/12/2025). Chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1986, trú ở: Khu 6, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Tại Cơ quan điều tra, Đào Văn T khai nhận: Từ năm 2021 đến cuối năm 2022, Đào Văn T làm nghề tiếp thị thị trường và bán các sản phẩm bim bim, bánh gạo, bỏng ngô, hướng dương trong đó có sản phẩm bỏng ngô, hướng dương của Công ty Bảo Bảo có địa chỉ trụ sở chính tại: Khu 6, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Qua mua bán với Công ty Bảo Bảo, T có quen biết Nguyễn Thị M là vợ cũ của Nguyễn Văn L, chủ Công ty Bảo Bảo. Trong quá trình làm tiếp thị T thấy sản phẩm khô gà, khô bò, heo cháy tỏi... được ưa chuộng trên thị trường, nên T nảy sinh ý định sản xuất khô gà, khô bò, heo cháy tỏi để bán ra thị trường. T tìm hiểu trên mạng xã hội thấy để được sản xuất sản phẩm khô gà, khô bò, heo cháy tỏi cần giấy phép đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, nhiều thủ tục phức tạp trong khi đó Công ty Bảo Bảo đã có đầy đủ các giấy tờ trên, ngoài ra sản phẩm bỏng ngô, hướng dương của Công ty Bảo Bảo được khách hàng đánh giá cao về chất lượng nên T nảy sinh ý định sử dụng vỏ bao bì mang nhãn hiệu, tên, địa chỉ, mã số hàng hoá của Công ty Bảo Bảo để lừa dối khách hàng. Đến khoảng cuối tháng 11/2022, T rủ Nguyễn Thị M cùng tham gia góp vốn, sản xuất các sản phẩm khô gà, khô bò, heo cháy tỏi... mang tên Bảo Bảo tại chỗ ở của T, để lừa dối khách hàng là sản phẩm của Công ty Bảo Bảo để bán ra thị trường. M đồng ý, cả 2 cùng thống nhất: M và T mỗi người góp 100 triệu đồng để mua nguyên phụ liệu, máy móc sản xuất khô gà cay, khô bò sợi, heo cháy tỏi, T chuyển trước cho M 100 triệu đồng để M quản lý.

- Về mẫu vỏ bao bì: Ngày 02/12/2022, cả hai tìm được người trên mạng xã hội nhận thiết kế mẫu mã vỏ bao bì các sản phẩm trên và lập nhóm zalo có tên “Tk bảo bảo” để thống nhất mẫu mã. T và M thống nhất lấy tên, địa chỉ, tiền tố mã doanh nghiệp của Công ty Bảo Bảo để in trên vỏ bao bì các sản phẩm do T và M sản xuất. Do đó nhắn tin trên nhóm về việc ghi nội dung “Sản phẩm của: Công ty TNHH thương mại dịch vụ Bảo Bảo; Địa chỉ: Khu 6 – phường Đại Phúc – Thành phố Bắc Ninh; Điện thoại: 0372.235.678 – 0963.055.226”. Do nhớ nhầm tên đầy đủ của Công ty Bảo Bảo nên M đã cung cấp tên thành Công ty TNHH thương mại dịch vụ Bảo Bảo in trên vỏ bao bì sản phẩm. Còn số điện thoại 0372.235.678 là của M và 0963.055.226 của T. Về mã số hàng hoá trên bao bì thì M và T lấy mã sản phẩm 8938548815027 (sản phẩm khô bò sợi), 8938548815010 (sản phẩm khô gà cay), 8938548815034 (sản phẩm heo cháy tỏi), 8938548815041 (khô bò miếng) là mã sản phẩm được sinh từ tiền tố mã doanh nghiệp 8938548815 được cấp cho Công ty Bảo Bảo.

- Về nguyên liệu: cả hai thống nhất lấy nguyên liệu khô gà, khô bò sợi, heo cháy tỏi tại Công ty TNHH một thành viên Thăng Huệ FOOD (viết tắt là Công ty Thăng Huệ) địa chỉ tại thôn Hoàng Trạch, xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang, Hưng Yên do bà Phạm Thị H1, sinh năm 1994, trú ở thôn Hoàng Trạch, xã Mỹ Sở, tỉnh Hưng

Yên là Chủ tịch, người đại diện pháp luật của Công ty và Hộ kinh doanh cơ sở sản xuất Văn Nhung (viết tắt là Cơ sở Văn Nhung), địa chỉ tại thôn Phú Thị, Mễ Sở, Văn Giang, Hưng Yên do ông Dương Thế V, sinh năm 1980, trú ở thôn Phú Thị, xã Mễ Sở, tỉnh Hưng Yên là chủ hộ kinh doanh để sản xuất, đóng gói.

- Về máy móc: T đặt mua trên mạng xã hội 01 máy hàn miệng túi nằm ngang, khi hàn có hiện số ngày tháng năm sản xuất; T mua 01 khay kim loại, 02 sọt nhựa, 02 cân điện tử, các vỏ thùng cát tông để đựng thành phẩm và các vật dụng khác để sản xuất và đóng gói thành phẩm.

- Về lợi nhuận: Số tiền bán hàng sau khi trừ chi phí sản xuất được bao nhiêu sẽ chia đôi (T và M mỗi người hưởng 50% lợi nhuận).

Đến khoảng tháng 01/2023, sau khi chuẩn bị đầy đủ nguyên liệu, máy móc thì Đào Văn T bắt đầu sản xuất thành phẩm khô gà cay, khô bò sợi, heo cháy tỏi, khô bò miếng tại chỗ ở để bán cho khách hàng. Trong quá trình sản xuất đóng gói các sản phẩm trên, ngoài T trực tiếp thực hiện thì T còn thuê bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1973, trú ở cùng thôn để thực hiện việc đóng gói sản phẩm với tiền công 300 đồng/gói.

Về giá thành phẩm bán cho khách hàng cả hai thống nhất giá bán chung thì khô gà cay bán với giá 7.000 đồng/gói; khô bò sợi bán với giá 6.000 đồng/gói; heo cháy tỏi bán với giá 7.500 đồng/gói, khô bò miếng bán với giá 14.500 đồng/gói tuy nhiên nếu bán số lượng ít thì giá sẽ tăng lên để trừ vào chi phí vận chuyển. Như vậy đối với mỗi sản phẩm bán ra, T và M đã chi phí mua nguyên liệu và thu lợi nhuận, cụ thể như sau:

+ Đối với mỗi thùng nguyên liệu 5kg mua được thì T đóng được 120 gói thành phẩm loại 50g (tính cả trọng lượng túi nilong và khay nhựa đặt bên trong); Chi phí mua vỏ bao bì đựng có giá 400 đồng/gói; tiền thuê nhân công sản xuất 300 đồng/gói; khay đựng đồ đặt bên trong mỗi gói có giá 100 đồng/khay. Chi phí khác như vận nguyên liệu không sử dụng và chi phí mua gang tay, điện nước, cước vận chuyển qua xe khách, thùng bìa cát tông đựng thành phẩm, băng dính,... khoảng 166 đồng/gói.

+ Đối với mỗi gói thành phẩm “Khô bò sợi”: 1 thùng nguyên liệu 5kg mua vào với giá 515.000 đồng, tổng chi phí sản xuất 1 thùng 5kg nguyên phụ liệu là 611.000 đồng. Giá bán thành phẩm là 6.000 đồng/gói tương ứng 120 gói là 720.000 đồng. Trừ chi phí nguyên phụ liệu, công sản xuất, chi phí khác thì thực tế 1 gói “Khô bò sợi” sẽ thu lợi được 742 đồng.

+ Đối với thành phẩm “Khô gà cay”: 1 thùng nguyên liệu 5kg mua vào với giá 610.000 đồng, tổng chi phí sản xuất 1 thùng 5kg nguyên phụ liệu, công sản xuất là 706.000 đồng. Giá bán thành phẩm là 7.000 đồng/gói tương ứng 120 gói là 840.000 đồng. Trừ chi phí nguyên phụ liệu, công sản xuất, chi phí khác thì thực tế 1 gói “Khô gà cay” sẽ thu lợi được 950 đồng;

+ Đối với “Heo cháy tỏi”: 1 thùng nguyên liệu 5kg mua vào với giá 635.000 đồng, tổng chi phí sản xuất 1 thùng 5kg nguyên phụ liệu, công sản xuất là 731.000 đồng. Giá bán thành phẩm là 7.500 đồng/1 gói tương ứng 120 gói là 900.000 đồng. Trừ chi phí nguyên phụ liệu, công sản xuất, chi phí khác thì thực tế 1 gói “heo cháy tỏi” sẽ thu lợi được 1.242 đồng;

+ Đối với “Khô bò miếng”: 1 thùng nguyên liệu 5kg mua vào với giá 1.365.000 đồng, tổng chi phí sản xuất 1 thùng 5kg nguyên phụ liệu, công sản xuất là 1.461.000 đồng. Giá bán thành phẩm là 14.500 đồng/1 gói tương ứng 120 gói là 1.740.000 đồng. Trừ chi phí nguyên phụ liệu, công sản xuất, chi phí khác thì thực tế 1 gói “Khô bò miếng” sẽ thu lợi được 2.159 đồng.

Sau khi đã sản xuất, đóng gói các sản phẩm khô gà cay, khô bò sợi, heo cháy tỏi, khô bò miếng trong các túi bao bì gắn các thông tin của Công ty Bảo Bảo như trên, thì T và M đã đi chào bán cho các khách hàng các sản phẩm khô gà cay, khô bò sợi, heo cháy tỏi, khô bò miếng do T và M sản xuất và đã đưa ra thông tin đây là các sản phẩm do Công ty Bảo Bảo sản xuất. Từ ngày 16/8/2023 đến ngày 08/5/2025, đã bán cho ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1994, trú tại thôn Bắc Lạng, xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên tổng số 35 lần (mỗi lần số tiền thu lời đều dưới 5 triệu đồng) với 16.500 gói khô gà cay, 16.740 gói khô bò sợi, 8.280 gói heo cháy tỏi và 100 gói khô bò miếng với số tiền 279.490.000 đồng (số tiền thu lợi là 38.595.740 đồng); Bán cho ông Nguyễn Hữu M1, sinh năm 1997, trú ở số nhà 80, tổ 16, ngõ Đoàn Túc, phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên tổng số 21 lần (mỗi lần số tiền thu lời đều dưới 5 triệu đồng) với 7.690 gói khô gà cay, 8.000 gói khô bò sợi, 4.183 gói heo cháy tỏi với số tiền 134.972.500 đồng (số tiền thu lợi là 18.436.786 đồng); Ngày 25/4/2025 bán cho ông Ngô Bá H, sinh năm 1986, trú ở thôn Vạn Tuế, xã Hà Bắc, thành phố Hải Phòng 50 gói khô gà cay; 50 gói khô bò sợi; 50 gói heo cháy tỏi với số tiền 1.550.000 đồng (số tiền thu lợi 146.700 đồng); Ngày 02/5/2025, bán cho ông Hoàng Quốc K1, sinh năm 1989, trú ở thôn Cặp Thượng 2, phường Nam Đồng, thành phố Hải Phòng 30 gói khô gà cay; 20 gói khô bò sợi với số tiền 460.000 đồng (số tiền thu lợi 43.340 đồng). Như vậy, tổng số lượng thành phẩm Đào Văn T và Nguyễn Thị M bán cho khách hàng là 61.693 gói gồm 24.270 gói khô gà cay, 24.810 gói khô bò sợi, 12.513 gói heo cháy tỏi và 100 gói khô bò miếng để thu về số tiền 416.472.500 đồng, sau khi trừ chi phí nguyên phụ liệu, chi phí sản xuất và một số chi phí khác thì T và M thu được số tiền lãi là 57.222.566 đồng và chia đôi.

* Bản Cáo trạng số 35/CT-VKSHY ngày 18/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Đào Văn T, Nguyễn Thị M về tội “Lừa dối khách hàng” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 198 Bộ luật Hình sự.

* Các nội dung khác liên quan đến vụ án:

+ Đối với chị Bùi Thị Thu T1 và bà Nguyễn Thị L1 không biết T có được sản xuất khô gà cay, khô bò sợi, heo cháy tỏi, khô bò miếng hay không; không có tài liệu xác định những người này được T và M bàn bạc về cách sản xuất, giao bán khô gà cay, khô bò sợi, heo cháy tỏi mang nhãn hiệu, tên, địa chỉ, mã số hàng hoá của Công ty Bảo Bảo; do đó không cơ sở để xử lý hình sự.

+ Đối với người mua hàng anh Nguyễn Trọng N, anh Nguyễn Hữu M1, ông Ngô Bá H, ông Hoàng Quốc K1 không biết những sản phẩm T bán cho họ là sản phẩm do T tự sản xuất, khi bán T giới thiệu các thành phẩm trên do Công ty Bảo Bảo sản xuất, kiểm tra vỏ bao bì thấy nội dung phù hợp với lời giới thiệu của T nên đồng ý mua.

+ Đối với người bán nguyên liệu chị Phạm Thị H1, ông Dương Thế V không biết T mua sử dụng vào việc gì, không được hưởng lợi nhuận từ số tiền thu lợi của T và M.

* Tại phiên tòa, bị cáo Đào Văn T, Nguyễn Thị M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trong Cáo trạng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đào Văn T, Nguyễn Thị M phạm tội “Lừa dối khách hàng” và đề nghị:

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 198; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36, 50, 54, 17, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đào Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo bị tạm giam 87 ngày tương ứng 8 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 6 tháng 9 ngày cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng.

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 198; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35, 50, 54, 17, 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị M từ 75.000.000 đồng đến 95.000.000 đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không đề nghị các bị cáo bồi thường nên không giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu số tiền các bị cáo thu lợi bất chính; tịch thu tiêu hủy 06 bao xác rắn chứa vỏ túi ni long dùng sản xuất thành phẩm, 06 thùng cát tông chứa nguyên liệu phục vụ sản xuất thành phẩm, 10 thùng cát tông chứa đựng các gói thành phẩm, 03 túi ni lông màu đen, 01 túi ni lông màu trắng, 01 khay kim loại; 02 sọt nhựa màu đỏ. Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động, 01 máy hàn nhiệt; 02 cân điện tử. Trả lại bị cáo Đào Văn T 01 xe ô tô biển kiểm soát 34D – 020.54.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

* Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và rất ăn năn hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt của bị hại: Anh Nguyễn Trọng N, anh Nguyễn Hữu M1, ông Ngô Bá H có đơn đề nghị vắng mặt và đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ

vụ án. Việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Đào Văn T, Nguyễn Thị M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tiếp nhận nguồn tin và công văn vụ việc của Đội quản lý thị trường; Biên bản khám nghiệm, sơ đồ hiện trường nơi sản xuất đóng gói tại chỗ ở của T; Sao kê tài khoản của Đào Văn T tại ngân hàng Vietcombank, Vietcombank; Bản sao chụp tin nhắn zalo của Đào Văn T; Bản Kết luận giám định số 4453 ngày 11/6/2025; Bản Kết luận định giá số 10/KL-HĐĐGTS ngày 13/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đông Hưng; Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 21/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS xã Đông Hưng; Lời khai của ông Nguyễn Văn L, ông Ngô Bá H, ông Hoàng Quốc K1, anh Nguyễn Hữu M1, anh Nguyễn Trọng N, chị Bùi Thị Thu T1, bà Nguyễn Thị L1, chị Nguyễn Thị N1, ông Dương Văn T2, chị Phạm Thị H1; cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ tháng 01/2023 đến 08/5/2025, Đào Văn T và Nguyễn Thị M đã mua nguyên liệu về đóng gói các sản phẩm khô gà cay, khô bò sợi, heo cháy tỏi và khô bò miếng để bán ra thị trường 62.229 sản phẩm (gồm 61.693 sản phẩm bán cho khách hàng và 536 sản phẩm thu tại nhà T), trong đó: 25.078 gói khô bò sợi, 24.527 gói khô gà cay, 12.524 gói heo cháy tỏi, 100 gói khô bò miếng giả mạo nhãn hiệu, tên, địa chỉ và mã số hàng hoá của Công ty Bảo Bảo để gian dối về nguồn gốc xuất xứ sản phẩm nhằm tạo lòng tin, lừa dối người tiêu dùng, làm khách hàng nhầm tưởng đây là sản phẩm do Công ty Bảo Bảo sản xuất. T đã bán 61.693 sản phẩm gồm: 24.810 gói khô bò sợi, 24.270 gói khô gà cay, 12.513 gói heo cháy tỏi, 100 gói khô bò miếng cho khách hàng là anh Nguyễn Trọng N, anh Nguyễn Hữu M1, ông Ngô Bá H, ông Hoàng Quốc K1, thu được 416.472.500 đồng, thu lợi bất chính **57.222.566 đồng**.

Hành vi của các bị cáo Đào Văn T, Nguyễn Thị M đã phạm tội “Lừa dối khách hàng” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 198 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 198. Tội lừa dối khách hàng

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

d) Thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và uy tín, thương hiệu của doanh nghiệp bị mạo danh. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm

hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều thực hiện tội phạm với vai trò là người thực hành, không có sự bàn bạc phân công nhiệm vụ cụ thể.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy: Bị cáo Đào Văn T giữ vai trò thứ nhất, T là người nảy sinh ý định sử dụng vỏ bao bì mang nhãn hiệu, tên, địa chỉ, mã số hàng hoá của Công ty Bảo Bảo để lừa dối khách hàng, rủ Nguyễn Thị M cùng tham gia góp vốn, sản xuất các sản phẩm tại chỗ ở của T; đặt mua đồ để đựng thành phẩm và các vật dụng để sản xuất, đóng gói thành phẩm; trực tiếp sản xuất thành phẩm và thuê người đóng gói sản phẩm; trực tiếp chào hàng, bán sản phẩm, thu tiền và hưởng lợi nhuận. Tiếp đó là bị cáo Nguyễn Thị M, khi được T mời đã đồng ý tham gia góp vốn, cùng với T tìm người thiết kế mẫu mã vỏ bao bì các sản phẩm, cung cấp thông tin Công ty Bảo Bảo và thống nhất với T lấy tên, địa chỉ, tiền tố mã doanh nghiệp của Công ty Bảo Bảo để in trên vỏ bao bì sản phẩm; cùng với T chào bán, giao sản phẩm, thu tiền và hưởng lợi nhuận.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét đến vai trò của các bị cáo trong vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, đã tự nguyện nộp lại một phần tiền hưởng lợi để khắc phục hậu quả; bị cáo T có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, bị cáo M tự nguyện đầu thú và trình báo về hành vi phạm tội; do đó các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đào Văn T, Nguyễn Thị M có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo T, phạt tiền đối với bị cáo M cũng đủ tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo, răn đe phòng ngừa chung và thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ.

Bị cáo T không có công việc, thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, tuy nhiên cần áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo M đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Trọng N, anh Nguyễn Hữu M1, ông Hoàng Quốc K1, ông Ngô Bá H không yêu cầu các bị cáo bồi thường, do đó cần chấp nhận sự tự nguyện của bị hại.

[8] Về xử lý vật chứng: + Bị cáo T, M mỗi bị cáo hưởng lợi 28.611.283 đồng từ việc bán sản phẩm, đây là tiền thu lợi bất chính, mỗi bị cáo đã tự nguyện nộp lại 30.000.000 đồng, do đó cần tịch thu số tiền trên để sung ngân sách Nhà nước.

+ 06 bao xác rắn chứa vỏ túi ni lông dùng sản xuất thành phẩm, 06 thùng cát tông chứa nguyên liệu phục vụ sản xuất thành phẩm, 10 thùng cát tông chứa đựng các gói thành phẩm, 03 túi ni lông màu đen, 01 túi ni lông màu trắng, 01 khay kim loại; 02 sọt nhựa màu đỏ thu giữ của Đào Văn T và những người khác: Đây là công cụ, phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng hoặc là những sản phẩm không được cấp phép an toàn vệ sinh thực phẩm, cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 điện thoại di động, 01 máy hàn nhiệt; 02 cân điện tử thu giữ của Đào Văn T: Đây là công cụ phương tiện phạm tội, còn giá trị sử dụng, cần tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước.

+ 01 xe ô tô biển kiểm soát 34D – 020.54 thu giữ của Đào Văn T: Đây là phương tiện bị cáo sử dụng để đi lại hàng ngày, không liên quan đến hành vi phạm tội, do đó cần trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo Đào Văn T, Nguyễn Thị M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Đào Văn T, Nguyễn Thị M phạm tội “Lừa dối khách hàng”.

2. Hình phạt:

+ Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 198; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35; Điều 36; Điều 50; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đào Văn T 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ; đối trừ thời gian bị cáo bị tạm giam 87 ngày tương ứng 08 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo còn phải chấp hành 06 (sáu) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Hưng Yên nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Đào Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Nam Đồng, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Nam Đồng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo T. Phạt bổ sung bị cáo T 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước.

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 198; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 35; Điều 36; Điều 50; Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị M 95.000.000 (chín mươi lăm triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Đào Văn T, Nguyễn Thị M mỗi bị cáo 30.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

+ Tịch thu tiêu hủy: 06 bao xác rắn chứa vỏ túi ni lông dùng sản xuất thành phẩm, 06 thùng cát tông chứa nguyên liệu phục vụ sản xuất thành phẩm, 10 thùng cát tông chứa đựng các gói thành phẩm, 03 túi ni lông màu đen, 01 túi ni lông màu trắng, 01 khay kim loại; 02 sọt nhựa màu đỏ.

+ Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động, 01 máy hàn nhiệt; 02 cân điện tử.

+ Trả lại bị cáo Đào Văn T 01 xe ô tô biển kiểm soát 34D – 020.54

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên và Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Hưng Yên).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Đào Văn T, Nguyễn Thị M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo Đào Văn T, Nguyễn Thị M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 04/02/2026. Bị hại anh Nguyễn Trọng N, anh Nguyễn Hữu M1, ông Ngô Bá H, ông Hoàng Quốc K1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND khu vực 7 – Hưng Yên;
- TAND - VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 7 – Hưng Yên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh (PC03);
- Lưu: hồ sơ; HCTP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Huệ